



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

METHODS OF TRANSLATING RUSSIAN MILITARY ABBREVIATIONS IN GROUND FORCES INTO VIETNAMESE

Nguyen Trung Kien*

Faculty of Russian Language, Military Science Academy, Hoai Duc, Hanoi, Vietnam

Received 10 September 2025

Revised 30 October 2025; Accepted 17 November 2025

Abstract: Military abbreviations play a significant role in professional vocabulary and are widely used in the military contexts to facilitate concise and efficient communication. However, translating these abbreviations from Russian into Vietnamese presents a complex challenge due to both the structural features of Russian abbreviations as well as linguistic, cultural, and organizational differences between the armed forces of the two countries. This article examines several aspects of Russian military abbreviations, including their definition and classification, and proposes possible methods for translating these abbreviations into Vietnamese. Based on the analysis of original texts and their Vietnamese translations, the author identifies and characterizes four main translation methods: literal, transliteration, mixed, and approximate. This study contributes to improving the methodology of translating specialized military vocabulary and may be useful for translators, educators, and researchers in the field of military terminology.

Keywords: military abbreviation, Ground Forces, translation methods, Russian, Vietnamese

* Corresponding author.

Email address: tkien151096@gmail.com

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5617>

CÁC PHƯƠNG THỨC DỊCH TỪ VIẾT TẮT QUÂN SỰ TIẾNG NGA LIÊN QUAN ĐẾN LỰC LƯỢNG LỤC QUÂN SANG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Trung Kiên

Khoa Tiếng Nga, Học viện Khoa học Quân sự, Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 10 tháng 9 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 10 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 11 năm 2025

Tóm tắt: Từ viết tắt quân sự chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống thuật ngữ chuyên ngành và được sử dụng rộng rãi trong môi trường quân sự nhằm truyền tải thông tin một cách ngắn gọn, nhanh chóng. Tuy nhiên, việc dịch những từ viết tắt này từ tiếng Nga sang tiếng Việt là một nhiệm vụ phức tạp do đặc điểm cấu trúc của từ viết tắt tiếng Nga, cũng như sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và đặc thù tổ chức của quân đội hai nước. Bài viết đề cập đến một số khía cạnh của từ viết tắt quân sự tiếng Nga, bao gồm định nghĩa, phân loại, đồng thời đề xuất một số phương thức dịch những từ viết tắt này sang tiếng Việt. Trên cơ sở phân tích văn bản gốc và bản dịch tiếng Việt, tác giả đã xác định và mô tả bốn phương pháp dịch chính: dịch nguyên văn, phiên tự, hỗn hợp và dịch gần nghĩa. Nghiên cứu này góp phần hoàn thiện phương pháp dịch thuật ngữ quân sự chuyên ngành và có thể làm tài liệu tham khảo cho các biên dịch viên, giảng viên cũng như các nhà nghiên cứu về thuật ngữ quân sự.

Từ khóa: từ viết tắt quân sự, Lục quân, phương thức dịch, tiếng Nga, tiếng Việt

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, vốn từ vựng quân sự đang phát triển mạnh mẽ và liên tục được bổ sung vào kho tàng ngôn ngữ chung. Nguyên nhân của hiện tượng này là do cộng đồng quốc tế ngày càng quan tâm đến các vấn đề quốc phòng, an ninh và quân sự - những chủ đề đang trở nên phổ biến trong các cuộc thảo luận thường nhật. Bên cạnh đó, tình hình chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và bất ổn: các cuộc xung đột vũ trang cục bộ, mâu thuẫn nội bộ cùng với mối đe dọa khủng bố đã làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ quốc tế. Trước tình hình đó, Lục quân – lực lượng đóng vai trò then chốt trong bảo vệ an ninh quốc gia và là thành phần quan trọng của đa số quân đội các nước – càng thể hiện rõ hơn tầm quan trọng đặc biệt của mình.

Trong bối cảnh tình hình quân sự ở các nước trên thế giới ngày càng diễn biến phức tạp và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, nhiều loại vũ khí mới, phương tiện liên lạc, trang bị chiến đấu, thiết bị quân sự liên tục ra đời. Điều này dẫn đến sự gia tăng không ngừng của hệ thống thuật ngữ chuyên ngành. Thông thường, các khái niệm quân sự mới trong tiếng Nga được thể hiện dưới dạng từ ghép hoặc cụm từ, vì cấu trúc này giúp truyền tải đầy đủ nhất ý nghĩa của chúng. Tuy nhiên, các thuật ngữ có độ dài như vậy lại cản trở việc truyền đạt thông tin nhanh chóng. Điều này đặc biệt bất lợi trong môi trường quân sự, nơi đòi hỏi sự ngắn gọn và rõ ràng. Chính vì thế, việc rút gọn ngôn ngữ thông qua các dạng viết tắt trở thành nhu cầu thiết yếu, dẫn đến sự hình thành và sử dụng rộng rãi các loại từ viết tắt cô đọng và giàu tính biểu đạt, phản ánh xu hướng tiết kiệm ngôn ngữ trong giao tiếp.

Các từ viết tắt quân sự tiếng Nga, đặc biệt từ viết tắt liên quan đến lực lượng Lục quân, mang những đặc điểm riêng biệt do yếu tố lịch sử, văn hóa và đặc thù tác chiến của quân đội Nga. Những đặc điểm này có thể gây ra nhiều khó khăn khi dịch, đòi hỏi người dịch phải có kiến thức sâu về ngôn ngữ và hiểu rõ đặc thù của thuật ngữ quân sự. Các từ viết tắt thường

không chỉ là dạng rút gọn của từ mà còn chứa đựng thuật ngữ chuyên ngành, vốn có thể không có từ tương đương trực tiếp trong tiếng Việt. Ngoài ra, sự khác biệt về văn hóa và tổ chức giữa quân đội Nga và Việt cũng là rào cản lớn trong quá trình dịch. Việc hiểu rõ đặc điểm cấu tạo, cách sử dụng cũng như phương pháp dịch phù hợp những từ viết tắt này là nhiệm vụ quan trọng đối với các chuyên gia trong lĩnh vực ngôn ngữ học quân sự và dịch thuật.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Vấn đề từ viết tắt nói chung và từ viết tắt quân sự nói riêng trong tiếng Nga đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà ngôn ngữ học trong và ngoài nước Nga. Các nghiên cứu về từ viết tắt có thể được chia thành hai hướng chính: nghiên cứu về bản chất ngôn ngữ học của hiện tượng viết tắt và nghiên cứu ứng dụng trong dịch thuật.

Về hướng nghiên cứu ngôn ngữ học, các công trình của các tác giả như: Vinogradov (1953), Akhmanova (1966), Shvedova (1970), Rosenthal (1976), Zemskaya (2012) đã đi sâu phân tích bản chất, cơ chế cấu tạo và phân loại từ viết tắt trong tiếng Nga hiện đại. Các nghiên cứu này đã đặt nền móng lý luận vững chắc cho việc hiểu rõ hiện tượng viết tắt như một phương thức cấu tạo từ đặc biệt, phản ánh xu hướng tiết kiệm ngôn ngữ. Trong lĩnh vực chuyên ngành, một số nghiên cứu của các tác giả Việt Nam đã bắt đầu tập trung vào thuật ngữ viết tắt trong các lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như nghiên cứu của Le (2019) về từ viết tắt trong thuật ngữ quân sự tiếng Nga trên cơ sở ngữ liệu báo chí, đã cung cấp cái nhìn tổng quan về đặc điểm cấu tạo và chức năng của lớp từ này. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Nguyễn (2024) đã phân tích sâu hơn các đặc điểm ngôn ngữ của từ viết tắt trong diễn ngôn quân sự tiếng Nga, tập trung vào khía cạnh chức năng và ngữ dụng của chúng trong các văn bản quân sự.

Về hướng nghiên cứu dịch thuật, vấn đề dịch từ viết tắt, đặc biệt là thuật ngữ chuyên ngành, cũng đã được đề cập trong nhiều giáo trình và công trình lý thuyết về dịch thuật của các học giả Nga như: Barkhudarov (1975), Fedorov (2002), Komissarov (1999) và Garbovskii (2004). Các tác giả này thống nhất cho rằng việc dịch từ viết tắt đòi hỏi người dịch không chỉ hiểu biết về cấu trúc và nghĩa gốc của từ mà còn phải nắm vững đặc thù văn hóa, chuyên môn của lĩnh vực đó. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu dừng lại ở việc đưa ra nguyên tắc chung, chưa đi sâu vào việc hệ thống hóa các phương pháp dịch cụ thể cho một loại hình từ viết tắt đặc thù nào.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về dịch thuật ngữ quân sự nói chung và từ viết tắt quân sự tiếng Nga nói riêng còn tương đối khiêm tốn. Phần lớn các công trình tập trung vào dịch thuật Anh - Việt hoặc nghiên cứu thuật ngữ quân sự tiếng Việt. Các tài liệu hướng dẫn dịch thuật tiếng Nga thường chỉ liệt kê và giải nghĩa một số từ viết tắt thông dụng mà chưa có một hệ thống phương pháp đầy đủ cho việc chuyển ngữ lớp từ này từ tiếng Nga sang tiếng Việt, đặc biệt là từ viết tắt liên quan đến lực lượng Lục quân – lĩnh vực có hệ thống thuật ngữ viết tắt vô cùng phong phú và phức tạp. Chính khoảng trống này đã tạo động lực và tính cấp thiết cho nghiên cứu hiện tại.

2.2. Khái niệm “từ viết tắt”

Từ viết tắt được lý giải theo nhiều góc độ trong các nghiên cứu khác nhau.

“Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học” định nghĩa từ viết tắt là “một từ rút gọn được sử dụng trong văn viết và văn nói” (Zherebilo, 2010, tr. 20). Theo Zemskaya (2011), từ viết tắt là từ phái sinh do kết quả của hiện tượng viết tắt. Tác giả này cho rằng, một yếu tố quan trọng là các từ này phải dễ nghe, dễ phát âm và không tạo ra những liên tưởng khó chịu và tiêu cực.

Đồng thời, chúng vẫn cần gọi nhớ đến từ gốc, giống như những từ đồng âm.

Trong cuốn “The Great Encyclopedic Dictionary”, Prokhorov (2000) đưa ra định nghĩa sau: Từ viết tắt là: 1) một từ được hình thành bằng cách viết tắt của một cụm từ và được đọc theo tên các chữ cái đầu (BBC) hoặc đọc theo âm đầu của các từ cấu thành (OOH, въз); 2) Các từ ghép rút gọn; 3) Các ký hiệu viết tắt và các ký tự trong bản nhạc.

Theo “Từ điển mới về thuật ngữ và khái niệm phương pháp luận”, tác giả Azimov và Shchukin (2009) định nghĩa từ viết tắt là một từ được hình thành từ các chữ cái đầu tiên hoặc các thành phần đầu tiên của một cụm từ. Ví dụ: ТСО - техническое средство обучения.

Theo Akhmanova (1966), từ viết tắt là một từ ghép rút gọn được cấu tạo từ các thành tố đầu của một cụm từ nhất định, chẳng hạn như từ các âm tiết đầu tiên của mỗi từ. Ví dụ: наркомпрос – народный комиссариат просвещения. Ngoài ra, Akhmanova cho biết thêm rằng ngoài loại từ trên, thuật ngữ “từ viết tắt” cũng chỉ những từ được tạo thành bằng cách ghép các chữ cái hoặc âm đầu của các từ, thường là được tạo ra từ tên của các chữ cái đầu trong cụm từ gốc.

Trong cuốn “Ngữ pháp tiếng Nga tóm tắt” (2002), từ viết tắt được định nghĩa là một danh từ gồm các thành tố rút gọn của một từ hoặc cụm từ được ghép lại với nhau. Những thành tố đầu của các từ này nằm trong một cụm từ, có ý nghĩa tương đương với từ gốc. Ngoài ra, từ viết tắt cũng có thể được cấu tạo từ thành tố đầu của các từ kết hợp với một từ nguyên vẹn không bị rút gọn.

Như vậy, các tác giả đều có chung quan điểm rằng từ viết tắt là một từ phái sinh do kết quả của hiện tượng viết tắt. Tuy nhiên, họ không đưa ra được định nghĩa đầy đủ về từ viết tắt. Trong bài viết này, chúng tôi cho rằng định nghĩa mà Rosenthal trình bày trong “Sách tham khảo từ điển các thuật ngữ ngôn ngữ học” là đầy đủ và cụ thể nhất. Ông định nghĩa từ viết tắt là: 1) một từ được hình thành từ những âm đầu hoặc từ tên các chữ cái đầu của các từ; 2) từ ghép rút gọn. Theo định nghĩa của ông, từ ghép rút gọn là từ được hình thành: a) bằng cách kết hợp các phần đầu của các từ trong cụm từ gốc (kiểu âm tiết); b) bằng cách kết hợp âm tiết đầu của một từ hoặc cả một từ với các âm đầu của các từ khác trong cụm từ gốc; c) bằng cách kết hợp các phần đầu của từ và phần cuối của từ; d) bằng cách kết hợp âm tiết đầu của một từ với toàn bộ từ khác (Rosenthal, 1976).

2.3. Từ viết tắt quân sự trong tiếng Nga

Từ viết tắt quân sự là những từ viết tắt được sử dụng trong lĩnh vực quân sự. Từ viết tắt quân sự đóng vai trò quan trọng trong hệ thống thuật ngữ quân sự. Chúng cho phép biểu đạt ngắn gọn và chính xác các thuật ngữ, quy trình, tổ chức và trang thiết bị khác nhau, qua đó đơn giản hóa việc giao tiếp và nâng cao hiệu quả truyền đạt thông tin trong môi trường quân sự. Việc sử dụng từ viết tắt cũng giúp tiết kiệm thời gian, đặc biệt trong các tình huống thay đổi nhanh chóng trên chiến trường hoặc trong quá trình thực hiện các hoạt động quân sự. Cách rút gọn từ và cụm từ đặc thù này được áp dụng rộng rãi trong nhiều loại tài liệu, mệnh lệnh chỉ huy, báo cáo, văn bản nghiệp vụ và các tài liệu quân sự khác, giúp đơn giản hóa quá trình tương tác và đảm bảo tính rõ ràng trong thông tin liên lạc quân sự.

* Theo phương pháp cấu tạo từ, các từ viết tắt quân sự liên quan đến lực lượng Lục quân được chia thành các từ viết tắt chữ cái đầu và các từ ghép rút gọn. Từ viết tắt chữ cái đầu gồm các loại sau đây:

1) Từ viết tắt chữ cái (буквенные аббревиатуры), được cấu tạo từ tên các chữ cái đầu của các thành tố trong cụm từ. Ví dụ, **ВДВ** [вэ-дэ-вэ] – *воздушно-десантные войска*; **РВСН** – [эр-вэ-эс-эн] – *ракетные войска стратегического назначения*; **ВМФ** [вэ-эм-

эф] – *военно-морской флот*.

2) Từ viết tắt âm thanh (звуковые аббревиатуры), được cấu tạo từ âm đầu của các thành tố trong cụm từ (chúng được đọc như một từ bình thường). Ví dụ: **ПРО** [*про*] – *противоракетная оборона*; **САБ** [*сап*] – *служба авиационной безопасности*; **АСУНО** [*асуно*] – *автоматизированная система управления наведением и огнем*.

3) Từ viết tắt chữ cái - âm thanh (буквенно-звуковые аббревиатуры), được tạo thành từ việc kết hợp tên của các chữ cái đầu và âm đầu của các từ thành tố. Ví dụ: **ДРЛО** [*дэ-эр-ло*] – (*дальнее радиолокационное обнаружение*), **РККА** [*эр-ка-ка*] – *Рабоче-Крестьянская Красная Армия*.

Trong hệ thống thuật ngữ quân sự xuất hiện những loại từ ghép rút gọn (сложносокращенные слова) sau:

1) Từ ghép rút gọn âm tiết (слоговые сложносокращенные слова), kết hợp các âm tiết đầu của các thành tố trong cụm từ. Ví dụ: **спецназ** (*специальное назначение*); **штрафбат** (*штрафной батальон*); **комбриг** (*командир бригады*).

2) Từ ghép rút gọn âm tiết - từ vựng (слово-словные сложносокращенные слова), kết hợp các âm tiết đầu của các thành tố đầu và toàn bộ thành tố cuối cùng trong cụm từ. Ví dụ: **подлодка** (*подводная лодка*); **Минобороны** (*Министерство обороны*); **комроты** (*командир роты*).

3) Từ ghép rút gọn kết hợp phần đầu của thành tố thứ nhất với phần đầu và phần cuối của thành tố thứ hai. Ví dụ: **эсминец** (*эскадренный миноносец*); **военкомат** (*военный комиссариат*).

Trong các văn bản quân sự tiếng Nga cũng thường bắt gặp các từ viết tắt nằm trong thành phần của các thuật ngữ. Ví dụ: **войска ПВО** (*войска противовоздушной обороны*), **комплекс ПРО** (*комплекс противоракетной обороны*), **система РЭБ** (*система радиоэлектронной борьбы*), **средства РХБЗ** (*средства радиационной, химической и биологической защиты*).

Trong một số trường hợp, có sự lặp lại hoàn toàn và lặp lại một phần các chữ viết tắt. Ví dụ về sự lặp lại hoàn toàn: **снайперская винтовка СВ: 7,62-мм снайперская винтовка СВ-98** *предназначена для поражения личного состава противника прицельным огнем на дальности до 1000 метров* (<https://rg.ru>, 11.08.2024); **боевая машина пехоты БМП: Госкорпорация «Ростех» заявила, что боевая машина пехоты БМП-2М с боевым модулем «Бережок» вдвое превосходит американскую БМП Bradley по дальности стрельбы** (<https://lenta.ru>, 07.04.2025).

Ví dụ về lặp lại một phần: **гранатомет РПГ (ручной противотанковый гранатомет): гранатомет РПГ (ручной противотанковый гранатомет): Военные группировки «Восток» адаптировали гранатомет РПГ-7В к стрельбе 82-мм минами** (<https://gazeta.ru>, 25.12.2023); **граната РГН (ручная граната наступательная): Из тайника были изъяты револьвер, пулеметная лента с 180 патронами, 281 патрон с трассирующими пулями, 258 патронов, четыре гранаты Ф-1, две гранаты РГН** (<https://lenta.ru>, 14.11.2023).

* **Dựa trên số lượng các thành tố**, từ viết tắt quân sự tiếng Nga được chia làm các loại sau:

1) Từ viết tắt có số lượng thành tố bằng số lượng thành tố của cụm từ gốc: **ЯО** (*ядерное оружие*), **БМП** (*боевая машина пехоты*), **РКПГ** (*ручная кумулятивная противотанковая граната*). Trong một số trường hợp, liên từ xuất hiện trong cụm từ gốc

vẫn được giữ lại khi chuyển sang từ viết tắt: **СНУС** (*Службы наблюдения и связи*), **РВиА** (*Ракетные войска и артиллерия*).

2) Từ viết tắt có số lượng thành tố nhiều hơn số lượng thành tố của cụm từ gốc: **ЯБП** (*ядерный боеприпас*), **РЛВ** (*радиолокационное вооружение*), **ПТУР** (*противотанковая управляемая ракета*), **БПЛА** (*беспилотный летательный аппарат*). В некоторых случаях сложный элемент исходного термина может быть соединен дефисом: **ВДВ** (*воздушно-десантные войска*), **ВМФ** (*военно-морской флот*), **ВКС** (*воздушно-космические силы*), **КПП** (*контрольно-пропускной пункт*). Исключительные случаи наблюдаются в терминах **БТР** (*бронетранспортер*), **ПСКР** (*пограничный сторожевой корабль*), **ПСКА** (*пограничный сторожевой катер*).

3) Từ viết tắt có số lượng thành tố ít hơn số lượng thành tố của cụm từ gốc (các liên từ và giới từ bị lược bỏ): **ШКВС** (*Штаб по координации военного сотрудничества*), **АСУНО** (*автоматизированная система управления наведением и огнем*); **СПРН** (*система предупреждения о ракетном нападении*). (Le, 2019)

2.4. Cơ sở lý luận về dịch thuật

Trong ngôn ngữ học tiếng Nga có rất nhiều quan điểm khác nhau về dịch thuật.

Theo Kazakova (2001), dịch thuật là “sự chuyển đổi một thông điệp ở ngôn ngữ gốc thành một thông điệp ở ngôn ngữ đích”. Định nghĩa này nhấn mạnh đến bản chất cơ bản của dịch: tái tạo thông tin của ngôn ngữ gốc bằng phương tiện của một hệ thống ngôn ngữ khác.

Barkhudarov (1975) định nghĩa dịch thuật là quá trình chuyển đổi phát ngôn từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác mà vẫn giữ nguyên bình diện nội dung, tức là ý nghĩa của văn bản.

Fedorov (2002) cho rằng khái niệm dịch thuật bao gồm cả quá trình và kết quả. Quá trình này diễn ra như một hoạt động tâm lý – ngôn ngữ, trong đó, văn bản hoặc phát ngôn ở ngôn ngữ nguồn được tái tạo ở ngôn ngữ đích; kết quả là sự ra đời của một văn bản mới bằng ngôn ngữ đích.

Theo Garbovskii (2004), dịch thuật mang tính chất trung gian giao tiếp xã hội giữa những người sử dụng các ngôn ngữ khác nhau. Ông coi dịch là quá trình chuyển đổi từ một hệ thống ký hiệu này sang hệ thống ký hiệu khác, với mục tiêu truyền đạt ý nghĩa của thông điệp gốc đầy đủ nhất có thể, dù điều này luôn mang tính tương đối.

Alekseeva (2012) nhấn mạnh tính sáng tạo và biến thể của dịch thuật. Người dịch không chỉ đơn thuần “chuyển mã” ngôn ngữ, mà còn chủ động lựa chọn cách biểu đạt phù hợp, dựa trên đặc điểm ngôn ngữ, loại hình văn bản, mục tiêu dịch, và cá tính sáng tạo của bản thân.

Latyshev (2005) nhìn nhận dịch thuật là một hình thức trung gian ngôn ngữ, có chức năng xã hội là giúp cho giao tiếp song ngữ trở nên gần gũi nhất với giao tiếp một ngôn ngữ về mức độ đầy đủ, hiệu quả và tự nhiên.

Ngoài các học giả Nga, nhiều nhà nghiên cứu phương Tây cũng có những đóng góp quan trọng trong việc xác định bản chất và chức năng của dịch thuật.

Newmark (1988) định nghĩa dịch thuật là “thay thế một văn bản viết hay diễn ngôn bằng một văn bản viết hay diễn ngôn có cùng nội dung trong ngôn ngữ khác”.

Catford (1965) xem dịch là “sự thay thế tư liệu ngôn ngữ của ngôn ngữ gốc bằng tư liệu tương đương trong ngôn ngữ đích”, nhấn mạnh đến yếu tố hình thức và cấu trúc ngôn ngữ.

Nida (1964) lại tiếp cận dịch thuật từ góc nhìn ngữ dụng, cho rằng mục tiêu của dịch thuật là đạt được “sự tương đương năng động” (*dynamic equivalence*), tức là tái tạo cùng một hiệu ứng giao tiếp đối với người đọc bản dịch như người đọc bản gốc. Ông nhấn mạnh rằng dịch giả cần

quan tâm đến người tiếp nhận cuối cùng hơn là chỉ dừng ở cấu trúc hình thức của văn bản.

Từ các quan điểm trên, có thể khái quát một số đặc trưng cơ bản của dịch thuật, đó là:

- Dịch thuật là một hoạt động ngôn ngữ đặc thù gắn với sự chuyển đổi các đơn vị ngôn ngữ từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích.

- Trong quá trình dịch luôn tồn tại hai hệ thống ngôn ngữ: ngôn ngữ của văn bản gốc và ngôn ngữ của văn bản dịch.

- Mục tiêu của dịch thuật là truyền đạt thông tin một cách tương đương nhất có thể, đồng thời bảo đảm hiệu quả và tự nhiên trong giao tiếp.

- Kết quả của bản dịch phụ thuộc vào kinh nghiệm, trình độ và khả năng sáng tạo của dịch giả.

Như vậy, dịch thuật không thể hiểu đơn giản là sự thay thế cơ học giữa các đơn vị ngôn ngữ, mà là một quá trình giao tiếp – sáng tạo phức tạp. Bản chất của dịch nằm ở việc tái tạo ý nghĩa, chức năng và tác động của văn bản gốc trong điều kiện ngôn ngữ và văn hóa mới. Trong nghiên cứu về dịch các từ viết tắt quân sự tiếng Nga sang tiếng Việt, quan niệm này đặc biệt phù hợp: bản dịch cần vừa chính xác về mặt khoa học, vừa hệ thống về mặt thuật ngữ, đồng thời phải đảm bảo tính dễ hiểu và hiệu quả trong giao tiếp đối với người đọc.

3. Phương pháp và ngữ liệu nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên phương pháp tiếp cận hỗn hợp, kết hợp giữa phân tích định tính và định lượng nhằm đảm bảo tính toàn diện và khách quan trong việc xác định các phương thức dịch từ viết tắt quân sự tiếng Nga sang tiếng Việt. Phương pháp định tính được sử dụng để phân tích ngữ nghĩa, cấu trúc và đặc điểm của từ viết tắt trong ngữ cảnh cụ thể, từ đó nhận diện và hệ thống hóa các phương thức dịch thuật. Phương pháp định lượng hỗ trợ thống kê tần suất xuất hiện của từng phương thức dịch, giúp xác định xu hướng lựa chọn của dịch giả trong thực tiễn.

Các kỹ thuật nghiên cứu cụ thể được áp dụng bao gồm:

- Phương pháp phân tích ngữ liệu: Ngữ liệu nghiên cứu được xây dựng từ các nguồn văn bản quân sự bằng tiếng Nga và bản dịch tiếng Việt tương ứng, bao gồm cả tác phẩm văn học và báo chí chuyên ngành.

- Phương pháp trích xuất và đối chiếu có chọn lọc: Các từ viết tắt đặc trưng cho lực lượng Lục quân được trích xuất và đối chiếu với bản dịch để xác định phương thức chuyển ngữ.

- Phương pháp khái quát hóa theo kiểu loại: Các phương thức dịch được phân nhóm và hệ thống hóa dựa trên đặc điểm cấu trúc và ngữ nghĩa, từ đó rút ra các quy luật dịch thuật phổ biến.

Việc kết hợp các phương pháp trên không chỉ đảm bảo tính hệ thống và khoa học của nghiên cứu, mà còn góp phần làm nổi bật các xu hướng dịch thuật tiêu biểu trong lĩnh vực quân sự.

3.2. Ngữ liệu nghiên cứu

Ngữ liệu của nghiên cứu được thu thập từ hai nguồn chính: Thứ nhất là các tác phẩm văn học quân sự của các tác giả Liên Xô và Nga như: S.M. Shtemenko (Генеральный штаб в годы войны), A.I. Pokryshkin (Небо войны), cùng với bản dịch tiếng Việt tương ứng. Thứ hai là các văn bản báo chí điện tử được trích từ các trang web uy tín của Nga như: topwar.ru, gazeta.ru, lenta.ru và phiên bản tiếng Việt như vi.topwar.ru.

Việc lựa chọn ngữ liệu dựa trên các tiêu chí sau: có nội dung liên quan trực tiếp đến

lực lượng Lục quân; chứa các từ viết tắt quân sự tiếng Nga tiêu biểu liên quan đến lực lượng Lục quân; có bản dịch tiếng Việt tương ứng, bảo đảm khả năng đối chiếu song ngữ.

Tổng cộng, ngữ liệu bao gồm 200 cặp câu chứa từ viết tắt và bản dịch, được sử dụng làm cơ sở thực tiễn để phân tích và đánh giá các phương thức dịch.

4. Các phương thức dịch từ viết tắt quân sự tiếng Nga liên quan đến lực lượng Lục quân sang tiếng Việt

Do số lượng từ viết tắt quân sự tiếng Nga rất phong phú, trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung xem xét các từ viết tắt liên quan đến lực lượng Lục quân. Qua việc khảo sát một số lượng ví dụ tương đối lớn, chúng tôi nhận thấy rằng các dịch giả thường sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để dịch từ viết tắt quân sự tiếng Nga liên quan đến lực lượng Lục quân sang tiếng Việt, bao gồm: phương pháp dịch nguyên văn, phương pháp phiên tự, phương pháp hỗn hợp (kết hợp dịch nguyên văn và phiên tự), và phương pháp dịch gần nghĩa.

4.1. Phương pháp dịch nguyên văn

Dịch nguyên văn là phương pháp dịch mà cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ gốc được chuyển sang cấu trúc của ngôn ngữ đích ở dạng gần nhất. Từ vựng vẫn dịch một cách đơn lẻ, tách khỏi văn cảnh.

Nói cách khác, dịch nguyên văn là việc truyền tải nghĩa gốc trực tiếp của một đối tượng trong ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ khác. Khi áp dụng phương pháp này, từ ngữ được dịch một cách trực tiếp mà không thay đổi ý nghĩa ban đầu. Trong quá trình dịch các từ viết tắt quân sự Nga liên quan đến lực lượng Lục quân sang tiếng Việt, người dịch cần dựa vào các từ gốc cấu thành nên từ viết tắt đó. Chúng ta sẽ làm rõ hơn qua các ví dụ sau:

<i>Принял нас помощник начальника Оперативного управления комбриг А. Ф. Анисов. Он сообщил, что в Киевском Особом военном округе скоро начнутся большие маневры и нам предстоит принять в них участие. (Генеральный штаб в годы войны, стр. 5)</i>	Lữ đoàn trưởng A. Ph. A-ni-xốp, cục phó Cục tác chiến, tiếp chúng tôi. Đồng chí báo tin Đặc khu Ki-ép sắp mở những cuộc diễn tập lớn và chúng tôi cần tham gia những cuộc diễn tập ấy. (Bộ tổng Tham mưu Xô Viết trong chiến tranh, trang 11)
<i>Штаб полка сообщил в дивизию, что на поиски танков Клейста вылетаю я. Только Никандрыч положил трубку, позвонили к нам. Комдив вызывал меня к телефону. – Покрышкин, надо найти танки!. (Небо войны, стр. 79)</i>	Ban tham mưu trung đoàn báo cáo lên sư đoàn là tôi sẽ đi tìm xe tăng Clây-xơ. Nhi-can-đrich vừa buông máy điện thoại thì sư đoàn trưởng gọi: - Pô-cru-skin, đồng chí phải tìm bằng được những chiếc xe tăng! (Bầu trời chiến tranh, trang 150)
<i>В феврале - марте 1941 года началось формирование новых мехкорпусов (по две танковые и одной моторизованной дивизии в каждом). Набирало темпы производство танков. (Генеральный штаб в годы войны, стр. 13)</i>	Trong tháng Hai – tháng Ba 1941, ta đã bắt đầu thành lập thêm nhiều quân đoàn cơ giới mới nữa (mỗi quân đoàn có 2 sư đoàn xe tăng và 1 sư đoàn mô tô). Nhịp độ sản xuất xe tăng tăng lên. (Bộ tổng Tham mưu Xô Viết trong chiến tranh, trang 25)
<i>Этот умный, прославленный командарм, говорят, очень заботится о маскировке танков. (Небо войны, стр. 212)</i>	Đồng chí tư lệnh tập đoàn quân khôn ngoan và lừng lẫy chiến công này, như người ta nói, rất lo lắng đến việc ngụy trang những xe tăng. (Bầu trời chiến tranh, trang 150)
<i>Понятно, что каждый командующий стремился получить побольше резервов</i>	Mọi người đều biết rằng, đồng chí tư lệnh nào cũng muốn được Đại bản doanh cung cấp cho mình

Ставки, иметь в достатке танки, артиллерию, **боеприпасы**. (Генеральный штаб в годы войны, стр. 102)

nhiều lực lượng dự bị hơn nữa, muốn có đầy đủ xe tăng, pháo binh, **đạn dược** hơn nữa. (Bộ tổng Tham mưu Xô Viết trong chiến tranh, trang 196)

Trong các ví dụ trên, từ viết tắt **комбриг** (командир бригады) được dịch nguyên văn sang tiếng Nga là “**lữ đoàn trưởng**”; từ **комдив** (командир дивизии) – “**sư đoàn trưởng**”; **мехкорпус** (механизированный корпус) – “**quân đoàn cơ giới**”; **командарм** (командующий армией) – “**tư lệnh tập đoàn quân**”; **боеприпасы** (боевые припасы) – “**đạn dược**”.

Hãy xem các ví dụ khác:

В ночь на 17 сентября я находился на **НП** 6-й армии. Здесь, как обычно на пороге больших событий, **воцарилась** деловая напряженность. (Генеральный штаб в годы войны, стр. 7)

Đêm 16 rạng ngày 17 tháng Chín, tôi ở **đài quan sát** của tập đoàn quân 6. Ở đây, mọi người đều làm việc rất khẩn trương như thường khi sắp có những sự kiện lớn. (Bộ tổng Tham mưu Xô Viết trong chiến tranh, trang 14)

Платформа AMPV в целом основана на конструкции серийной **БМП** M2 Bradley. Используются те же компоновочные и технические решения, а также сохранен ряд основных агрегатов. (topwar.ru, 13.03.2024)

Nền tảng AMPV thường dựa trên thiết kế của **xe chiến đấu bộ binh** M2 Bradley sản xuất. Cách bố trí và giải pháp kỹ thuật tương tự được sử dụng và một số đơn vị cơ bản được giữ lại. (vi.topwar.ru, 13.03.2024)

Неожиданно меня вызвали на **КП**. Прибежал туда и увидел рядом с Ивановым командира дивизии. Жестикулируя руками, он что то доказывал. Его одутловатое лицо было недовольным. (Небо войны, стр. 31)

Tôi bị gọi bất ngờ đến **sở chỉ huy**. Khi chạy đến, tôi nhìn thấy bên cạnh thiếu tá I-va-nốp, sư đoàn trưởng đang hoa tay để chỉ dẫn một điều gì đó. Khuôn mặt ông phệ ra như có vẻ không bằng lòng. (Bầu trời chiến tranh, trang 264)

Программа Пентагона AMPV (Armored Multi-Purpose Vehicle – «Бронированная многоцелевая машина») стартовала в 2013 г.; ее целью было создание новой линейки **бронемашин** для замены старого **БТР** M113 и его производных. (topwar.ru, 13.03.2024)

Chương trình AMPV (Xe bọc thép đa năng) của Lầu Năm Góc bắt đầu vào năm 2013; mục tiêu của nó là tạo ra một dòng **xe bọc thép** mới để thay thế **xe bọc thép chở quân** M113 cũ và các biến thể của nó. (vi.topwar.ru, 13.03.2024)

Từ viết tắt quân sự **НП** (наблюдательный пункт), **БМП** (боевая машина пехоты), **КП** (командный пункт), **бронемашин** (бронированная машина), **БТР** (бронированный транспортер) được dịch nguyên văn sang tiếng Việt lần lượt là “**đài quan sát, xe chiến đấu bộ binh, đài chỉ huy, xe bọc thép, xe bọc thép chở quân**”.

4.2. Phương pháp phiên tự

Phiên tự là phương pháp dịch đơn vị từ vựng trong ngôn ngữ gốc bằng cách tái tạo hình thức của chúng thông qua các chữ cái thuộc hệ thống chữ viết của ngôn ngữ đích. Khi phiên tự, hình thức chữ viết của từ gốc gần như không thay đổi (Parshin, 2000). Phương pháp này thường được sử dụng để dịch các từ viết tắt kết hợp chữ cái và số, vốn thường xuất hiện trong các hệ thống ký hiệu, danh mục trang thiết bị, danh sách các bộ phận linh kiện, bảng thông số kỹ thuật, v.v.

Việc phiên tự đặc biệt hữu ích trong trường hợp hai ngôn ngữ sử dụng hệ thống chữ viết khác nhau, khi đó các đơn vị chữ cái cần được chuyển đổi tương ứng giữa hai hệ thống. Ưu điểm chính của phương pháp này là hình thức chữ viết của từ gốc bị biến đổi ở mức tối thiểu.

Có hai hướng chính trong phương pháp phiên tự: phiên tự có kèm từ chỉ chủng loại và phiên tự không kèm từ chỉ chủng loại.

4.2.1. Phiên tự có kèm từ chỉ chủng loại

Trong các tài liệu quân sự tiếng Việt, từ viết tắt thường được sử dụng kèm theo từ chỉ chủng loại ngay từ lần xuất hiện đầu tiên. Những từ chỉ chủng loại phổ biến bao gồm: súng, khẩu, xe... Ví dụ: súng AK, khẩu AK-47, xe BMP, v.v. Điều này được minh họa qua các ví dụ sau:

- Từ viết tắt **БМП-3** (viết tắt của “боевая машина пехоты” – xe chiến đấu bộ binh) trong tiếng Việt có thể được dịch là: “**xe BMP-3**”.

Прежде чем остановить выбор на китайском вооружении, Казахстан тестировал шасси Arma с башнями от БМП-3 и Nefer от Aselsan. (topwar.ru, 02.10.2025)

*Trước khi chọn vũ khí Trung Quốc, Kazakhstan đã thử nghiệm khung gầm Arma với tháp pháo từ xe **BMP-3** và Aselsan Nefer. (vi.topwar.ru, 02.10.2025)*

- Từ viết tắt **АК-74** (автомат Калашникова) có thể được dịch là “**súng AK-74**”:

Например, расчет самоходной артиллерийской установки (САУ) должен иметь и АК-74 для отражения возможного нападения диверсионно-разведывательной группы (ДРГ) противника, и гладкоствольные карабины 18,5КС-К для отражения атак дронов-камикадзе. (topwar.ru, 17.03.2024)

*Ví dụ: tổ lái của một đơn vị pháo tự hành (SPG) phải có cả **súng AK-74** để đẩy lùi một cuộc tấn công có thể xảy ra của nhóm trinh sát và phá hoại (DRG) của đối phương và súng carbine nòng trơn 18,5КС-К để đẩy lùi các cuộc tấn công từ máy bay không người lái kamikaze. (vi.topwar.ru, 17.03.2024)*

Hãy xem các ví dụ khác:

В частности, нужно определить, какое количество АШ-12 нужно штурмовому подразделению, требуется ли дополнять его автоматами «АК», как организовать снабжение боеприпасами разных линеек и т.д. (topwar.ru, 28.10.2023)

*Đặc biệt, cần xác định một đơn vị tấn công cần bao nhiêu **khẩu АШ-12**, có cần bổ sung súng trường tấn công AK hay không, cách tổ chức cung cấp đạn của các dòng khác nhau, v.v. (vi.topwar.ru, 28.10.2023)*

ИМП-2 и БРДМ-2РХ предназначены именно для работы в зоне разрушений в районах, подвергшихся ядерным ударам. (topwar.ru, 23.03.2024)

*Xe **IMR-2** và **BRDM-2РХ** được thiết kế đặc biệt để hoạt động trong khu vực hủy diệt ở những khu vực bị tấn công hạt nhân. (vi.topwar.ru, 23.03.2024)*

Самозарядная СВД с третьего-четвертого выстрела позволяет поразить «Бабу-Ягу» на дальних рубежах. (topwar.ru, 05.09.2025)

***Súng SVD** tự nạp đạn cho phép bạn bắn trúng "Baba Yaga" ở biên giới xa chỉ với phát bắn thứ ba hoặc thứ tư. (vi.topwar.ru, 05.09.2025)*

Как утверждает изготовитель, сделка по выпуску машин, предназначенных для замены советских БМП-2, предусматривает передачу технологий, что позволяет наладить на заводе в Астане полный производственный цикл – от резки броневой стали до окончательной сборки. (topwar.ru, 02.10.2025)

*Theo nhà sản xuất, thỏa thuận sản xuất xe được thiết kế để thay thế xe **BMP-2** thời Liên Xô bao gồm chuyển giao công nghệ, cho phép nhà máy Astana thiết lập một chu trình sản xuất hoàn chỉnh—từ cắt thép bọc thép đến lắp ráp cuối cùng. (topwar.ru, 02.10.2025)*

Trong các ví dụ nêu trên xuất hiện các từ viết tắt như: **АШ-12** (автомат штурмовой), **ИМП-2** (инженерная машина разграждения), **БРДМ-2РХ** (бронированная разведывательно-дозорная машина), **СВД** (Снайперская винтовка Драгунова), **БМП-2** (боевая машина пехоты). Các từ viết tắt này lần lượt được dịch sang tiếng Việt bằng phương pháp phiên tự có kèm từ chỉ chủng loại như sau: “**khẩu АШ-12, xe IMR-2 và BRDM-2РХ, súng SVD, chiếc BMP-2**”.

4.2.2. Phiên tự không kèm từ chỉ chủng loại

Kể từ lần xuất hiện thứ hai trở đi, các từ viết tắt theo phương pháp phiên tự thường được sử dụng không kèm theo từ chỉ chủng loại. Ví dụ:

- Các từ viết tắt **T-84U**, **T-90** (танк) trong tiếng Việt tương ứng được giữ nguyên là: “**T-84U**”, “**T-90**” mà không cần thêm từ chỉ chủng loại.

*Когда ударила новая информация, что Пакистан покупает у Украины **T-84U**, истерика вспыхнула с новой силой. Но на радость танкистам, в этот раз «патриоты» проиграли «бизнесменам», которые купили лицензию на **T-90** у России. (topwar.ru, 03.04.2024)*

*Khi có thông tin mới rằng Pakistan đang mua **T-84U** từ Ukraine, sự cuồng loạn lại bùng lên mạnh mẽ. Nhưng trước sự vui mừng của các lính tăng, lần này “những người yêu nước” đã thua các “doanh nhân” đã mua giấy phép sản xuất **T-90** từ Nga. (vi.topwar.ru, 03.04.2024)*

- Từ viết tắt **ШАК-12** (штурмовой автоматный комплекс) có phương án dịch sang tiếng Việt là “**ShAK-12**”:

*В начале десятих годов отечественная оружейная промышленность впервые показала на одной из выставок новый «штурмовой автоматный комплекс» **ШАК-12** с автоматом **АШ-12**. (topwar.ru, 01.10.2023)*

*Vào đầu năm thứ mười, trong nước kho vũ khí ngành công nghiệp lần đầu tiên trưng bày tại một trong những cuộc triển lãm tổ hợp súng máy tấn công mới **ShAK-12** với súng trường tấn công **ASh-12**. (vi.topwar.ru, 01.10.2023)*

- Từ viết tắt **БМП-3** (боевая машина пехоты) trong tiếng Việt có thể được dịch là “**BMP-3**”, từ **ПКТМ** (Пулемет Калашникова Танковый Модернизированный) được dịch là “**PKTM**”:

***БМП-3** вооружена 100-миллиметровым орудием - пусковой установкой 2А70 с 30-миллиметровой автоматической пушкой 2А72 и 7,62-миллиметровым пулеметом **ПКТМ**. (topwar.ru, 05.04.2024)*

***BMP-3** được trang bị súng 100 mm - bộ phóng 2А70 với pháo tự động 30А2 72 mm và súng máy **PKTM** 7,62 mm. (vi.topwar.ru, 05.04.2024)*

- Từ viết tắt **БРЭМ** (бронированная ремонтно-эвакуационная машина) được dịch sang tiếng Việt là “**BREM**”; từ viết tắt **ПТС-2** (плавающий транспортер) – “**PTS-2**” và **БТР-70** (бронетранспортер) – “**BTR-70**”:

*Для **БРЭМ**, **ПТС-2** и **БТР-70** эта мера обосновывается тем, что данные машины не предназначены для работы в условиях, подобных возникшим на ЧАЭС. (topwar.ru, 23.03.2024)*

*Đối với **BREM**, **PTS-2** và **BTR-70**, biện pháp này được chứng minh là hợp lý bởi thực tế là những phương tiện này không nhằm mục đích hoạt động trong những điều kiện tương tự như những điều kiện xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân Chernobyl. (vi.topwar.ru, 23.03.2024)*

Hãy xem các ví dụ khác:

*Специально под новые патроны с нуля разработан «автомат штурмовой» **АШ-12**. Для улучшения эргономики автомат построен по схеме булл-пан. (topwar.ru, 07.02.2022)*

*Đặc biệt đối với các hộp đạn mới, “súng trường tấn công” **ASh-12** đã được phát triển từ đầu. Để cải thiện công thái học, máy được chế tạo theo sơ đồ bullpup. (vi.topwar.ru, 07.02.2022)*

*В 1963 году **СВД** была принята на вооружение нашей армии. Снайперская винтовка Драгунова предназначена для уничтожения появляющихся, движущихся, открытых и маскированных одиночных целей. (topwar.ru, 07.11.2010)*

*Năm 1963, **SVD** được quân đội ta tiếp nhận. Súng bắn tỉa Dragunov được thiết kế để tiêu diệt các mục tiêu đơn lẻ mới nổi, di chuyển, mở và nguy trang. (vi.topwar.ru, 07.11.2010)*

*Российская оборонная промышленность завершает опытно-конструкторскую работу по созданию перспективного плавающего бронетранспортера **БТ-3Ф**. В ближайшее время будут проведены оставшиеся мероприятия и оформлены необходимые*

*Ngành công nghiệp quốc phòng Nga đang hoàn thành công việc phát triển để tạo ra một tàu sân bay bọc thép đầy triển vọng **BT-3F**. Trong tương lai gần, các hoạt động còn lại sẽ được thực hiện và các tài liệu cần thiết sẽ được soạn thảo. (vi.topwar.ru, 12.08.2023)*

документы. (topwar.ru, 12.08.2023)

Военными корреспондентами показаны кадры российских танка **T-80UE** и **БМП-2** с антидроновыми козырьками и дополнительным бронированием. На опубликованных кадрах мы видим, как по населенному пункту перемещается колонна российской бронетехники. (topwar.ru, 05.04.2024)

Các phóng viên quân sự đã chiếu đoạn phim về xe tăng **T-80UE** và **BMP-2** của Nga với tấm che chống máy bay không người lái và áo giáp bổ sung. Trong đoạn phim được công bố, chúng ta thấy một đoàn xe bọc thép của Nga di chuyển qua khu vực đông dân cư. (vi.topwar.ru, 05.04.2024)

Trong các ví dụ trên, có thể thấy sự xuất hiện của các từ viết tắt như: **AШ-12** (автомат штурмовой), **СВД** (снайперская винтовка Драгунова), **БТ-3Ф** (бронированный транспортер), **T-80UE** (танкт), **БМП-2** (боевая машина пехоты). Những từ viết tắt này được phiên tự sang tiếng Việt mà không sử dụng từ chỉ chủng loại, tương ứng lần lượt là: **ASh-12**, **SVD**, **BT-3F**, **T-80UE**, **BMP-2**. Phần lớn những từ viết tắt này thuộc loại viết tắt chữ cái đầu, dùng để chỉ tên các loại vũ khí và trang bị kỹ thuật quân sự.

4.3. Phương pháp hỗn hợp (kết hợp dịch nguyên văn và phiên tự)

Thông thường, trong mỗi từ viết tắt có chứa một hoặc một vài thành tố mang nghĩa, do đó phương pháp hỗn hợp - tức là kết hợp giữa phương pháp dịch nguyên văn và phương pháp phiên tự - thường được áp dụng khi dịch từ viết tắt.

Phương pháp này được sử dụng phổ biến nhất để dịch các từ viết tắt chỉ vũ khí và trang bị quân sự. Ví dụ:

T-35 был пятибашенным. На вооружении имел три пушки и пять пулеметов. Весил 50 тонн. Экипаж его состоял из десяти человек, в том числе двух средних командиров. (Генеральный штаб в годы войны, стр. 3)

Xe tăng T-35 có năm ụ tháp, được trang bị 3 khẩu pháo và 5 súng máy, nặng 50 tấn. Biên chế của nó gồm 10 người, trong đó có 2 cán bộ chỉ huy trung cấp. (Bộ tổng Tham mưu Xô Viết trong chiến tranh, trang 7)

Опытный образец **БТ-3Ф** впервые показали публике на военно-техническом форуме «Армия-2016». В дальнейшем эта машина регулярно участвовала в разных выставках. (topwar.ru, 12.08.2023)

Nguyên mẫu **xe bọc thép chở quân BT-3F** lần đầu tiên được ra mắt công chúng tại diễn đàn kỹ thuật quân sự Army-2016. Trong tương lai, chiếc xe này thường xuyên tham gia các cuộc triển lãm khác nhau. (topwar.ru, 12.08.2023)

ПП-2000 разработан под патрон 9X19 мм, может использовать все патроны этого калибра, в том числе бронебойные повышенной мощности 7Н21 и 7Н31, масса без магазина - 1,4 кг, магазин на 20 патронов. (topwar.ru, 29.09.2023)

Súng tiểu liên PP-2000 được thiết kế cho loại đạn 9X19 mm, nó có thể sử dụng tất cả các loại băng đạn có cỡ nòng này, kể cả 7N21 và 7N31 cao cấp xuyên giáp, trọng lượng không có băng đạn - 1,4 kg, băng đạn 20 viên. (vi.topwar.ru, 29.09.2023)

Одной из самых больших проблем при модернизации **БМП-2** была разработка нового двигателя и трансмиссии, которые позволили бы машине эффективно работать в труднопроходимой местности, особенно в горных регионах, таких как Восточный Ладакх. (topwar.ru, 25.03.2024)

Một trong những thách thức lớn nhất trong việc nâng cấp **xe chiến đấu bộ binh BMP-2** là phát triển động cơ và hộp số mới cho phép xe vận hành hiệu quả ở những địa hình khó khăn, đặc biệt là ở các vùng miền núi như Đông Ladakh. (vi.topwar.ru, 25.03.2024)

AШ-12 сразу создавался под новый патрон и с учетом его параметров. Круг применяемых технических решений был определен особенностями технического задания и другими факторами. (topwar.ru, 01.10.2023)

Súng trường tấn công ASh-12 ngay lập tức được tạo ra cho hộp đạn mới và có tính đến các thông số của nó. Phạm vi của các giải pháp kỹ thuật được sử dụng được xác định bởi các chi tiết cụ thể của thông số kỹ thuật và các yếu tố khác. (vi.topwar.ru, 01.10.2023)

Кроме того, в 2022-23 гг. трофеями гвардейцев становились украинские T-64. Ngoài ra, trong giai đoạn 2022-23, Lực lượng Vệ binh Cách mạng đã thu giữ được xe tăng T-64 của Ukraine. (vi.topwar.ru, 11.10.2025)

Trong các ví dụ nêu trên, các từ viết tắt: **T-35** (танк), **БТ-3Ф** (бронетранспортер), **ПП-2000** (пистолет-пулемет), **БМП-2** (боевая машина пехоты), **АШ-12** (автомат штурмовой) được dịch sang tiếng Việt lần lượt là: **xe tăng T-35, xe bọc thép chở quân БТ-3Ф, súng tiểu liên PP-2000, xe chiến đấu bộ binh BMP-2, súng trường tấn công АШ-12**. Trong quá trình chuyển ngữ các từ viết tắt như vậy sang tiếng Việt, các dịch giả không chỉ hướng đến việc dịch nguyên văn mà còn kết hợp phương pháp phiên tự để giúp người đọc dễ hiểu và tiếp nhận chính xác ý nghĩa của các từ viết tắt đó. Phương pháp dịch kết hợp này chủ yếu được áp dụng đối với các từ viết tắt chữ cái đầu, vốn dùng để chỉ tên gọi của các loại vũ khí và trang bị kỹ thuật quân sự.

4.4. Phương pháp dịch gần nghĩa

Phương pháp dịch gần nghĩa là phương pháp dịch sử dụng từ tương đương gần nghĩa, tức là tìm kiếm một đơn vị từ vựng gần nhất về mặt ý nghĩa trong ngôn ngữ đích để thay thế cho đơn vị gốc. Đây là sự tương đương mang tính chất tương đối (đôi khi chưa truyền tải hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa). Những đơn vị tương đương như vậy có thể được gọi là từ tương đương ngữ nghĩa. Tuy nhiên, khi sử dụng những từ thay thế này trong quá trình dịch, cần lưu ý rằng trong một số trường hợp, chúng có thể gây ra sự hiểu sai hoặc không hoàn toàn chính xác về bản chất của đối tượng hay hiện tượng được đề cập (Barkhudarov, 1975). Hãy xem các ví dụ minh họa cho phương pháp dịch này:

- Từ viết tắt **бронетехника** (бронетанковая техника) được dịch sang tiếng Việt là **“xe bọc thép”** (nếu dịch nguyên văn sẽ là **“phương tiện/kỹ thuật bọc thép”**).

История адаптации защиты бронетехники в спецоперации незамысловатая. До определенного момента четко выраженной линии фронта не существовало, и прилететь в условный танк или БМП могло с любого ракурса. (topwar.ru, 17.08.2023)

Câu chuyện điều chỉnh việc bảo vệ xe bọc thép trong một chiến dịch đặc biệt rất đơn giản. Cho đến một thời điểm nhất định, không có chiến tuyến được xác định rõ ràng và có thể bay vào một chiếc xe tăng hoặc xe chiến đấu bộ binh có điều kiện từ mọi góc độ. (vi.topwar.ru, 17.08.2023)

- Từ viết tắt **разгранлиния** (разграничительная линия) được dịch sang tiếng Việt là **“cách phân giới”** (nếu dịch nguyên văn sẽ là **“đường/tuyến phân giới”**):

Ставка с этим согласилась, однако разграничительную линию между фронтами установила на основании рекомендаций маршала Жукова от 26 января: Смигель, Унруштадт, река Фаулеобра, река Одер, Ратцдорф, Фридланд, Гросс Керис, Михендорф. Такая разгранлиния фактически оттирала 1-й Украинский фронт к югу от Берлина, не оставляя ему никакого окна для удара по германской столице. (Генеральный штаб в годы войны, стр. 198)

Đại bản doanh đồng ý, nhưng xác định tuyến phân giới giữa hai phương diện quân theo đề nghị của nguyên soái Giu-cốp ngày 26 tháng Giêng là: Xmi-gen, Un-rút-stốt, sông Phau-le-ốp-ra, sông Ô-đê, Rát-xđô, Phrit-lan, Grô-xơ Kê-rít, Mi-khen-đo. Cách phân giới như vậy thực tế đã kéo phương diện quân U-crai-na 1 xuống phía Nam Béc-lin, không cho phương diện quân này một cửa mở nào để đột kích vào thủ đô nước Đức. (Bộ tổng Tham mưu Xô Viết trong chiến tranh, trang 382)

- Từ viết tắt **боеспособность** (боевая способность) được dịch sang tiếng Việt là **“sức chiến đấu”** (nếu dịch nguyên văn sẽ là **“khả năng chiến đấu”**):

И неудивительно, что приказ No 227 чрезвычайно благотворно повлиял на боеспособность войск. Каждый глубоко

Và không lấy gì làm lạ rằng bản mệnh lệnh số 227 đã có ảnh hưởng đặc biệt tốt tới sức chiến đấu của các đơn vị. Mỗi người đều thấm sâu tư

проникся мыслью о необходимости стоять насмерть в бою и делал для победы все, что мог. (Генеральный штаб в годы войны, стр. 51) *tương về sự cần thiết phải chiến đấu đến hơi thở cuối cùng và làm tất cả những gì có thể làm được để giành thắng lợi.* (Bộ tổng Tham mưu Xô Viết trong chiến tranh, trang 100)

- Từ viết tắt **бронезилет** (броневой жилет) được dịch sang tiếng Việt là **“áo chống đạn”** (nếu dịch nguyên văn sẽ là **“áo bọc thép”**):

Бронезилеты серии «Оберег» построены на основе хорошо известных, освоенных и отработанных идей и решений. (topwar.ru, 05.10.2023) *Áo chống đạn của dòng “Obereg” được xây dựng trên cơ sở các ý tưởng và giải pháp nổi tiếng, đã được làm chủ và đã được chứng minh.* (vi.topwar.ru, 05.10.2023)

- Từ viết tắt **боепитание** (боевое питание) được dịch sang tiếng Việt là **“băng đạn”** (nếu dịch nguyên văn sẽ là **“sự cung cấp chiến đấu”**):

Одной из новинок, представленной в рамках выставки, стал ручной пулемет Калашникова с ленточным боепитанием, который заслуживает особого внимания. (topwar.ru, 01.09.2020) *Một trong những điểm mới lạ được giới thiệu tại triển lãm là súng máy hạng nhẹ Kalashnikov với băng đạn đai, đáng được chú ý đặc biệt.* (vi.topwar.ru, 01.09.2020)

Khi dịch các từ viết tắt quân sự tiếng Nga sang tiếng Việt bằng phương pháp dịch gần nghĩa, người dịch thường lựa chọn trong tiếng Việt những đơn vị từ vựng đã có sẵn và mang ý nghĩa tương tự. Cách làm này giúp người đọc dễ hiểu và tiếp cận nội dung của từ viết tắt một cách thuận lợi hơn.

5. Thảo luận

Trên cơ sở phân tích ngữ liệu gồm 200 cặp câu chứa từ viết tắt và bản dịch, kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân bố tần suất sử dụng các phương thức dịch như sau:

Bảng 1

Tần suất sử dụng các phương thức dịch từ viết tắt quân sự tiếng Nga liên quan đến lực lượng Lục quân sang tiếng Việt

Phương thức dịch	Số lượng ví dụ	Tỷ lệ (%)
Phiên tự	93	46,5
Dịch nguyên văn	50	25
Hỗn hợp	36	18
Dịch gần nghĩa	21	10,5
Tổng	200	100

Kết quả thống kê cho thấy phương thức phiên tự được sử dụng phổ biến nhất. Điều này phản ánh đặc trưng của ngôn ngữ quân sự Lục quân, trong đó, nhiều từ viết tắt mang tính kỹ thuật hoặc là tên gọi cố định của đơn vị và vũ khí, phương tiện chiến đấu. Ví dụ, các ký hiệu như: БТР (xe bọc thép chở quân), БМП (xe chiến đấu bộ binh), Т-90 (xe tăng) thường được giữ nguyên dưới dạng phiên tự trong bản dịch. Việc bảo lưu hình thức gốc giúp duy trì tính chính xác và khả năng nhận diện quốc tế của thuật ngữ quân sự, đồng thời phù hợp với thông lệ sử dụng trong các tài liệu kỹ thuật và huấn luyện.

Sau khi phân tích các ví dụ đã thu thập được, chúng tôi nhận thấy phương pháp phiên tự là phương pháp phổ biến và được ưu tiên sử dụng nhất khi dịch từ viết tắt quân sự tiếng Nga liên quan đến lực lượng Lục quân sang tiếng Việt, đặc biệt là trong các văn bản báo chí điện tử. Hiện nay, số lượng vũ khí, khí tài được nghiên cứu và chế tạo không ngừng gia tăng

cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, dẫn đến sự xuất hiện thường xuyên của nhiều tên gọi mới cần được chuyển dịch giữa các ngôn ngữ. Trong bối cảnh đó, phiên tự trở thành phương pháp dịch được các dịch giả ưu tiên lựa chọn nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất trong quá trình chuyển ngữ, đồng thời giúp duy trì khả năng nhận diện quốc tế của thuật ngữ quân sự, phù hợp với thông lệ sử dụng trong các tài liệu kỹ thuật và huấn luyện. Tuy nhiên, hạn chế của phương pháp này là có thể gây khó hiểu cho người đọc không chuyên do không nắm được ý nghĩa cụ thể của các từ viết tắt gốc.

Phương pháp dịch nguyên văn đúng thứ hai về tần suất sử dụng, thường được áp dụng cho các từ viết tắt chỉ chức vụ, đơn vị tổ chức hoặc khái niệm có cấu trúc rõ ràng (ví dụ: комбриг – lữ đoàn trưởng, ИП – đài quan sát). Ưu điểm của phương pháp này là truyền tải trực tiếp và dễ hiểu ý nghĩa của thuật ngữ cho người đọc Việt Nam, từ đó nâng cao tính minh bạch của văn bản. Phương pháp này phát huy hiệu quả khi tồn tại từ tương đương chính xác trong tiếng Việt. Hạn chế chính là đôi khi có thể tạo ra những cụm từ dài dòng, không đáp ứng được yêu cầu ngắn gọn vốn có của từ viết tắt.

Phương pháp hỗn hợp (18%) kết hợp ưu điểm của cả phiên tự và dịch nguyên văn. Cách dịch như “xe tăng T-90” hay “súng trường tấn công ASh-12” vừa đảm bảo tính chính xác của mã định danh, vừa cung cấp thông tin về chủng loại và chức năng cho độc giả. Đây là phương án tối ưu trong nhiều trường hợp, cân bằng giữa tính kỹ thuật và tính truyền thông. Số lượng sử dụng ít hơn có thể do yêu cầu về độ dài văn bản hoặc trong những ngữ cảnh mà tên gọi đã quá phổ biến và chỉ cần phiên tự là đủ.

Phương pháp dịch gần nghĩa xuất hiện ít hơn (10,5%), thường được sử dụng khi một từ viết tắt không có khái niệm tương đương chính xác trong từ vựng quân sự Việt Nam, hoặc khi bản dịch nguyên văn dễ gây khó hiểu và phức tạp (ví dụ: бронетехника được dịch là “xe bọc thép” thay vì “phương tiện kỹ thuật bọc thép”). Ưu điểm của phương pháp này là tính tự nhiên và dễ tiếp thu đối với người đọc đại chúng. Tuy nhiên, nhược điểm lớn nhất là có thể làm mất đi một phần sắc thái nghĩa hoặc tính đặc thù của thuật ngữ gốc, thậm chí gây hiểu lầm nếu lựa chọn từ thay thế không thật sự phù hợp.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy một mối tương quan rõ rệt: các từ viết tắt chỉ tên vũ khí, trang bị (thường là viết tắt chữ cái đầu) có xu hướng được dịch bằng phương pháp phiên tự hoặc hỗn hợp, trong khi các từ viết tắt chỉ chức vụ, tổ chức hoặc khái niệm (thường là từ ghép rút gọn) lại thích hợp hơn với phương pháp dịch nguyên văn hoặc dịch gần nghĩa. Điều này cho thấy việc lựa chọn phương thức dịch không chỉ phụ thuộc vào cấu trúc ngôn ngữ của từ viết tắt mà còn chịu ảnh hưởng bởi loại hình văn bản, đối tượng người đọc và mục đích giao tiếp cụ thể.

Nhìn chung, dịch thuật các từ viết tắt liên quan đến lực lượng Lục quân có xu hướng ưu tiên tính chính xác và sự bảo lưu yếu tố kỹ thuật - thuật ngữ, thể hiện qua việc phương thức phiên tự và dịch nguyên văn được sử dụng với tần suất cao. Các phương pháp hỗn hợp và dịch gần nghĩa chỉ được sử dụng trong những trường hợp cần thích nghi ngôn ngữ nhằm đảm bảo tính dễ hiểu và phù hợp với ngữ cảnh sử dụng tiếng Việt. Qua đó, có thể thấy quá trình dịch các từ viết tắt quân sự không chỉ là chuyển ngữ đơn thuần mà còn là sự cân bằng giữa yêu cầu chuyên môn, tính chuẩn hóa và khả năng tiếp nhận của người đọc trong môi trường quân sự - học thuật Việt Nam.

6. Kết luận

Từ viết tắt quân sự là một thành tố quan trọng trong ngôn ngữ quân sự, đặc biệt là trong các văn bản liên quan đến lực lượng Lục quân. Trong thuật ngữ quân sự tiếng Nga, từ

viết tắt được sử dụng rộng rãi không chỉ nhằm tiết kiệm không gian mà còn để đảm bảo độ chính xác và súc tích trong diễn đạt.

Quá trình dịch từ viết tắt quân sự tiếng Nga sang tiếng Việt đặt ra nhiều thách thức lớn, do sự khác biệt về đặc điểm ngôn ngữ, cấu trúc cú pháp và bối cảnh văn hóa - quân sự giữa hai quốc gia. Thực tế cho thấy nhiều thuật ngữ tiếng Nga không có từ tương đương trực tiếp trong tiếng Việt, điều này làm cho việc chuyển ngữ trở nên phức tạp hơn. Để dịch chính xác và hiệu quả các từ viết tắt quân sự, người dịch cần có kiến thức vững chắc về cả hai ngôn ngữ, am hiểu đặc điểm của thuật ngữ quân sự, đồng thời phải nghiên cứu kỹ sự khác biệt về văn hóa và tổ chức giữa quân đội Nga và Việt Nam.

Khi dịch các từ viết tắt quân sự tiếng Nga liên quan đến lực lượng Lục quân, các dịch giả thường sử dụng bốn phương pháp chính: dịch nguyên văn, phiên tự, hỗn hợp (kết hợp dịch nguyên văn và phiên tự), và dịch gần nghĩa. Trong đó, phương pháp phiên tự chiếm tỷ lệ cao nhất, thể hiện xu hướng ưu tiên bảo lưu hình thức ký hiệu gốc nhằm đảm bảo độ chính xác và khả năng nhận diện quốc tế của thuật ngữ kỹ thuật – vũ khí. Dịch nguyên văn được áp dụng phổ biến đối với các từ viết tắt chỉ tổ chức, chức vụ hoặc khái niệm có tương đương rõ ràng trong tiếng Việt, giúp văn bản trở nên dễ hiểu và minh bạch hơn. Hai phương pháp còn lại – hỗn hợp và dịch gần nghĩa – được sử dụng trong các ngữ cảnh yêu cầu cân bằng giữa tính chính xác chuyên môn và khả năng tiếp nhận của người đọc.

Nhìn chung, quá trình dịch các từ viết tắt quân sự tiếng Nga liên quan đến Lục quân không chỉ là hoạt động chuyển ngữ đơn thuần, mà còn là sự lựa chọn chiến lược giữa việc bảo tồn thuật ngữ gốc và thích nghi với chuẩn mực ngôn ngữ – văn hóa của tiếng Việt. Kết quả của nghiên cứu góp phần làm rõ đặc trưng dịch thuật thuật ngữ quân sự, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn hữu ích cho hoạt động biên dịch và nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ học quân sự, đặc biệt trong bối cảnh hợp tác quốc phòng và trao đổi học thuật ngày càng mở rộng giữa Việt Nam và Nga.

Tài liệu tham khảo

- Akhmanova, O. S. (1966). *Dictionary of linguistic terms*. Soviet Encyclopedia Publishing House.
- Alekseeva, I. S. (2012). *Introduction to translation studies*. Publishing Centre “Academia”. https://academia-moscow.ru/ftp_share/books/fragments/fragment_18143.pdf?utm
- Azimov, E. G., & Shchukin, A. N. (2009). *New dictionary of methodological terms and concepts*. IKAR Publishing House.
- Barkhudarov, L. S. (1975). *Language and translation: Problems of general and special theory of translation*. International Relations Publishing House.
- Catford, J. C. (1965). *A linguistic theory of translation: An essay in applied linguistics*. Oxford University Press.
- Fedorov, A. V. (2002). *Foundations of General Translation Theory*. Foreign Languages Literature Publishing House. <https://www.scribd.com/document/539128327>
- Garbovskii, N. K. (2004). *Theory of translation*. Moscow University Press.
- Kazakova, T. A. (2001). *Practical bases of translation. English – Russian*. Soyuz Publishing House. <https://portal.tpu.ru/SHARED/a/AASTEPANOVA/Courses/Tab/Kazakova.pdf>
- Latyshev, L. K. (2005). *Translation technology: Text- book for students of linguistic universities and faculties*. Publishing Centre “Academia”. https://portal.tpu.ru/SHARED/p/PLOTNIKOVA/AA/Stud/Tab/Latyshev_Tekhnologia_perevoda.pdf
- Le, L. (1983). *The Sky of War (Trans.)*. People's Army Publishing House.
- Le, A. V. (2019). Abbreviation as a method of word formation in Russian military terminology (based on media texts). *Philology: scientific research*, 3(1), 61–66. <https://doi.org/10.7256/2454-0749.2019.3.30193>
- Newmark, P. (1988). *A textbook of translation*. Prentice Hall.

- Nguyen, T. K. (2024). Linguistic features of abbreviations in russian military discourse. *Journal of Foreign Language Studies*, 79, 3–15. <https://doi.org/10.56844/tckhnn.79.828>.
- Nida, E. A. (1964). *Toward a science of translating: With special reference to principles and procedures involved in Bible translating*. Brill.
- Parshin, A. (2000). *Translation theory and practice*. Publishing house “Russian Language”. https://eduengl.ru/books/lingvist/parshin_teoria-i-praktika-perevoda.pdf
- Pokryshkin, A. I. (1980). *The Sky of War*. Voenizdat Publisher. <https://palubnik.ru/wp-content/uploads/2022/10/Небо-войны.pdf>
- Prokhorov, A. M. (2000). *The Great Encyclopedic Dictionary*. Great Russian Encyclopedia, Norint. <https://dic.academic.ru/contents.nsf/enc3p/>
- Rozental, D. E. (1976). *Dictionary-reference of linguistic terms*. Prosveshcheniye. <https://rus-yaz.niv.ru/doc/linguistic-terms/index.htm>
- Shvedova, N. Y. (1970). *The Grammar of the modern Russian literary language*. Nauka Publishing House.
- Shvedova, N. Y., & Lopatin, V. V. (2002). *A concise grammar of the Russian language*. Vinogradov Russian Language Institute of the Russian Academy of Sciences.
- Shtemenko, S. M. (1968). *The Soviet General Staff at War*. Voenizdat Publisher. <http://militera.lib.ru/memo/russian/shtemenko/index.html>
- Tran, A. T. (1985). *The Soviet General Staff at War (Trans.)*. Progress and People's Army Publishing House. <https://dilib.vn/pdf/viewer.php?id=bd11cd>
- Vinogradov, V. V. (1953). *Grammar of the Russian Language. Vol. 1: Phonology and Morphology*. Publishing House of the Academy of Sciences of the USSR. https://www.academia.edu/54660237/Грамматика_русского_языка_Т_1_Фонетика_и_морфология
- Zemskaya, E. A. (2011). *Modern Russian Language. Word-formation*. Flinta, Nauka. <https://studfile.net/preview/6857194/>
- Zherebilo, T. V. (2010). *Dictionary of linguistic terms*. Piligrim Publishing. <https://rus-lingvistics-dict.slovaronline.com/>